TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22**/2018/DS-ST.
Ngày: 30/01/2018.
V/v tranh chấp ‘‘Hợp đồng góp hụi’’.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **PHẠM THANH DŨNG**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **TRẦN VĂN HÀI.**
2. Ông **TRẦN THANH TÙNG**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiển** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 562/2017/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Trần Văn T1**, sinh năm 1984 (có mặt).
Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.
2. *Bị đơn*: Anh **Trần Văn T2**, sinh năm 1973.
Chị **Trần Thị T**, sinh năm1978 (có mặt).

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Văn T2 là Trần Thị T, sinh năm 1978 (theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2018, có chứng thực số 08/2018 của UBND xã Tân Thanh).

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trần Văn T1 trình bày*:

Chị Trần Thị T cùng chồng là anh Trần Văn T2 có mở và làm đầu thảo nhiều đây hụi, anh tham gia góp hai dây hụi cụ thể như sau:

Dây 1: Khui ngày 20/3/2016, hụi tiền, mỗi phần là 1.000.000đ, một tháng khui một lần, dây hụi có 23 phần, anh góp một phần, anh đóng được 19 kỳ hụi sống = 19.000.000đ. Hiện nay dây hụi này đã mãng.

Dây 2: Khui ngày 20/3/2016, hụi tiền, mỗi phần là 2.000.000đ, một tháng khui một lần, dây hụi có 24 phần, anh góp 1 phần, anh đóng được 18 phần hụi sống X 2.000.000đ = 36.000.000đ.

Đến tháng 7/2017 anh T2 và chị T tuyên bố ngưng hụi, hai bên có thỏa thuận là còn nợ 55.000.000đ. Anh T2 và chị T hứa sẽ gom hụi chết trả lại cho anh nhưng sau đó ngưng luôn không trả. Nay anh yêu cầu anh T2 và chị T trả cho anh hai dây hụi còn nợ là 55.000.000đ. Yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn chị Trần Thị T trình bày:*

- Chị có tổ chức hợp đồng góp hụi và làm đầu thảo nhiều dây hụi, anh T1 có tham gia góp hai dây hụi. Đến tháng 7/2017 do nhiều người hốt hụi không đóng tiền hụi chết nên chị tuyên bố ngưng hụi. Sau khi ngưng hụi chị còn thiếu anh T1 55.000.000đ. Chị có thỏa thuận là gôm hụi chết giao cho anh T1 nhưng từ đó đến nay không trả được khoản nào hết như anh T1 trình bày là đúng.

Nay chị với anh T2 đồng ý trả cho anh T1 hai dây hụi trên, nhưng xin trả vốn là 38.915.000đ và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng dân sự: Anh T1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi với chị T và anh T2 có địa chỉ tại Tổ A, ấp B, xã C, huyện D. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn anh T1 và bị đơn chị T trình bày thống nhất là chị T cùng chồng là anh T2 có mở và làm đầu thảo nhiều dây hụi, anh T1 có tham gia góp hai dây hụi. Đến tháng 7/2017 ngưng hụi. Sau khi ngưng hụi hai bên xác định thống nhất là còn nợ 55.000.000đ tiền hụi. Nay anh yêu cầu trả 55.000.000đ một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Còn bị đơn chị T xin trả lại vốn là 38.915.000đ và trả dần mỗi tháng 1.000.000đ, không được nguyên đơn anh T1 đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Do đó có căn cứ xác định tranh chấp giữa anh T1 với chị T và anh T2 là tranh chấp " Hợp đồng góp hụi" theo quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự.

- Nhận thấy hai bên nguyên đơn và bị đơn thõa thuận hợp đồng góp hụi là hụi có lãi. Người làm đầu thảo có nghĩa vụ góp hụi giao cho hụi viên theo kỳ khui hụi nếu hụi viên hốt hụi và được hưởng hoa hồng. Còn hụi viên có nghĩa vụ đóng hụi theo kỳ khui hụi nếu hụi chưa hốt thì đóng hụi sống, còn hụi hốt rồi thì đóng hụi chết. Trong qúa trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay bị đơn chị T thừa nhận sau khi ngưng hụi và hiện nay chị còn góp hụi đối với những hụi viên đã hốt hụi nhưng chưa đóng hụi chết theo kỳ và góp đủ với số tiền hụi chết là dây một 1.000.000đ/1 phần, dây hai là 2.000.000đ/1 phần, nhưng chị không giao hụi lại cho hụi viên cho thấy bị đơn chị T đã vi phạm nghĩa vụ của người làm đầu thảo theo cam kết ban đầu. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn trả lại tiền hụi cho nguyên đơn theo thỏa thuận lúc ngưng hụi là 55.000.000đ. Không chấp nhận yêu cầu xin trả lại tiền vốn hụi đã góp vào là 38.915.000đ của bị đơn là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật.

Mặt khác bị đơn với nguyên đơn cũng xác định là đối với dây hụi 1.000.000đ chị hưởng hoa hồng là 400.000đ và dây hụi 2.000.000đ là 800.000đ. Do đó cần khấu trừ tiền hoa hồng mà bị đơn được hưởng trong hai dây hụi này là 1.200.000đ.

Do đó cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là 55.000.000đ – 1.200.000đ = 53.800.000đ là phù hợp.

- Xét yêu cầu buộc anh Trần Văn T2 và chị T liên đới trả tiền hụi của anh là có căn cứ, bởi lẽ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh T2 ủy quyền cho vợ anh là chị T, chị T có ý kiến là vợ chồng chị cùng trả nợ. Hơn nữa tại hai danh sách hụi viên chị T công nhận là của chị giao cho hụi viên đều ghi tên hai vợ chồng T – T2 ngay phần đầu thảo. Mặt khác hiện nay anh T2 với chị T là vợ chồng sống chung một nhà việc khui hụi, góp tiền hụi đều diễn ra tại nhà vợ chồng chị, anh T2 đều biết. Tại phiên tòa hôm nay chị T trình bày là lập hợp đồng góp hụi nhằm hưởng hoa hồng có thu nhập chi tiêu chung trong nhà. Nên có đủ cơ sở buộc vợ chồng chị T và anh T2 liên đới trả tiền nợ hụi là phù hợp với quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay anh T1 có ý kiến cho bị đơn trả 40.000.000đ, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật còn lại 13.800.000đ trả sau ba tháng. Xét yêu cầu của anh T1 là có cơ sỡ, bởi lẽ: Tại phiên tòa hôm nay hai bên trình bày thống nhất là khi tham gia hợp đồng góp hụi nếu ai vi phạm nghĩa vụ thì phía còn lại được quyền đòi lại toàn bộ phần tiền hụi còn nợ. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 29 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006. Do đó hiện nay chị T ngưng hụi và không giao tiền hụi cho anh là vi phạm nghĩa vụ của người làm đầu thảo. Nên cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn phần tiền hụi còn nợ sau khi án có hiệu lực pháp luật 40.000.000đ, sau ba tháng trả 13.800.000đ là phù hợp.

[3] về án phí: Chị T và anh T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 288; 357; 468 và 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ các Điều 28, 29, 30 và Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Văn T1.

- Buộc chị Trần Thị T và anh Trần Văn T2 liên đới trả cho anh Trần Văn T1 số tiền nợ hai dây hụi còn lại là 53.800.000đ (Năm mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).

Thời gian trả: Trả sau khi án có hiệu lực pháp luật trả 40.000.000đ. Sau ba tháng trả 13.800.000đ.

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T là xin trả vốn 38.915.000đ và trả dần mỗi tháng 1.000.000đ.

- Kể từ ngày anh T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T2 và chị T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị T và anh T2 liên đới phải chịu 2.690.000đ (Hai triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng chẵn). Hoàn lại cho anh T1 số tiền tạm ứng án phí là 1.375.000đ (Một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai số 07979 ngày 13/12/2017 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự nguyên đơn anh T1, bị đơn anh T2 và chị T được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM THANH DŨNG